TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **191** /2022/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 27 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 19, xã L, thành phố T, tỉnh T

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1992

ĐKHKTT: Tổ 17, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Q

Tạm trú: Thôn 19, xã L, thành phố T, tỉnh T

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định vmức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2022

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*:

Giao con chung là Nguyễn Ngọc Huyền A, sinh ngày 31/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Hải Y, mức cấp dưỡng là

2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/ tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 11/2022 cho đến khi con Nguyễn Ngọc Huyền A đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Mạnh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H đều xác định đã tự thoả thuận xong về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Mạnh H đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hải Y tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000436 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Hải Y đã nộp đủ án phí, trả lại cho chị Y số tiền chệnh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thuỷ